TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **306**/2025/HS - ST
Ngày: 26.12.2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Nghĩa Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

2. Ông Nguyễn Văn Kiên

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 278/2025/TLST - HS ngày 04/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2025/QĐXXST - HS ngày 11/12/2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Việt H, sinh ngày 11/8/2005 tại Hà Giang (nay là tỉnh Tuyên Quang); Giới tính: Nam.

Nơi thường trú: thôn C, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang); chỗ ở trước khi bị bắt: D0708 Chung cư V, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội).

Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Việt D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; vợ con: chưa có: tiền án, tiền sự: không; danh chỉ bản số 783 do PC11B (T) lập ngày 03/5/2025.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2025 (theo Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/4/2025). Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số II - Công an Thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Việt H: Bà Đinh Thị Thanh H2 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/01/1992 tại Ninh Bình, Giới tính: Nam.

Nơi thường trú và chỗ ở: đội A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình).

Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1970; có vợ là Hà Thị Thu H3, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2019; tiền án,tiền sự: không; danh chỉ bản số 359 do PC01 - C lập ngày 06/5/2025;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2025 đến ngày 03/05/2025. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Anh Trịnh Quang L, sinh năm 1996;

Nơi thường trú: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; chỗ ơ: C, tòa C chung cư V, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội).

(Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 2002;

Nơi thường trú: lô A13 + 14 MBQH B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ơ: D chung cư V, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội).

(Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân A, sinh năm 1976;

Nơi thường trú: P307 K1 tập thể Thành Công, phường T, thành phố Hà Nội; chỗ ơ: P906 B N, phường Y, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Anh Trịnh Quang S, sinh năm 1993;

Nơi thường trú: thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ơ: số A hẻm B K, phường K, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 2004;

Nơi thường trú: Tổ A thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang (nay là tổ A, xã P, tỉnh Tuyên Quang); trú tại: số A ngõ B phố M, phường M, quận H, thành phố Hà

Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội).

(Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Ban Q;

Địa chỉ: tầng C, tòa C chung cư V, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái B - chức vụ: Giám đốc.

Do ông Vũ Quang T3 – Đại diện theo ủy quyền.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

5. Ông Trần Việt D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971;

Trú tại: thôn C, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang).

(Có mặt tại phiên tòa)

6. Anh Phạm Phúc D1, sinh năm 1999;

Nơi thường trú và cư trú: xóm C, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

- **Người làm chứng:** Chị Trương Thị Việt P, chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Việt H thuê trọ tại tòa chung cư V, N, T, Hà Nội (nay là phường T, Hà Nội). Do cần tiền chi tiêu nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền. Ngày 18/4/2025, H phát hiện tại tầng hầm gửi xe M cột C-BL 09, tòa chung cư V có 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám đen, biển kiểm soát 18D1-76273, số máy JK03E7840016, số khung RLHJK0351XPZ140018 của anh Trịnh Quang L để quên chia khóa ở hốc dựng đồ phía trước của xe. H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên, dùng tay lấy trộm chìa khóa xe. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/4/2025, H xuống hầm gửi xe, dùng chìa khóa láy hôm trước, điều khiển xe máy Honda Vision, biển kiểm soát 18D1-76273 đến lối kiểm soát ra vào hầm dành cho khách gửi theo tháng (đang bị lỗi kỹ thuật, chỉ cần dùng thẻ vé tháng bất kỳ là cửa ra vào có thể mở, bảo vệ không ngồi cách vị trí quẹt thẻ khoảng 20 mét và bị khuất tầm nhìn), mượn thẻ gửi xe tháng của 01 phụ nữ (không xác dịnh được nhân thân) để quẹt thẻ mở barie tẩu thoát. H điều khiển xe máy trên đến gửi tại hầm để xe Trung tâm thương mại V1, số A T, Cầu G, Hà Nội. Sau đó, H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu trăng, IMEI 1: 35735809400180, IMEI 2: 357358094209989 đăng bán xe chiếc xe trên nhóm Facebook "Mua bán xe K (Giao

dịch trực tiếp)" bằng tài khoản mang tên "Đình Trọng" với giá 14.500.000 đồng. Sau đó Nguyễn Văn T dùng tải khoản Facebook "Mãnh Hổ" liên lạc với H hỏi mua chiếc xe trên và thống nhất giá bán là 14.000.000 đồng, hẹn giao xe tại sảnh tòa nhà Vincom Trần Duy H4. H4 nói với T xe máy H4 mua của chính chủ. H4 bị rơi ví nên mất giấy tờ xe. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T chở Trương Thị Việt P đến gặp H4 mua xe máy. Do xe máy trên có giá rẻ bằng nửa giá thị trường và được mua bán trên nhóm "Mua bán xe K (giao dịch trực tiếp)" nên T nhận thức được chiếc xe máy trên do phạm tội mà có nhưng T vẫn đồng ý mua. T chuyển khoản số tiền 14.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 0985759806 mở tại ngân hàng V2 chủ tài khoản Nguyễn Văn T đến tài khoản ngân hàng số 2005130668 mở tại ngân hàng T5 chủ tài khoản Trần Việt H. H ký tên "T4" vào giấy mua bán xe do T soạn sẵn, ghi tên người mua là Nguyễn Văn T, giấy chỉ lập 1 bản do T giữ. H bàn giao xe cùng chìa khóa xe cho T và xóa hết bài đăng bản xe trên Facebook rồi về nhà. Số tiền 14.000.000 đồng do bán xe trộm cắp, H trả nợ cho anh Nguyễn Ngọc T2.

Đến ngày 21/4/2025, Nguyễn Văn T đã đăng bài giao bán chiếc xe may nhãn hiệu Honda Vision màu xám đen, biển kiểm soát 18DI-76273 trên nhóm Facebook "Mua bán xe KGT Miễn Bắc (Giao dịch trực tiếp)" với nội dung "Hà Nội, cần bán xe Vision màu xém xi măng đời 2022 odo 8000 km, gốc sạch giá 17.000.000 đồng". Sau đó, Phạm Phúc D1 hỏi mua xe. D1 và T hẹn xem xe tại đầu ngõ C Đ, T, Hà Nội. Khoảng 19 giờ cùng ngày, D1 và chị Nguyễn Thị Ngọc Á đến gặp T. T nói với D1 xe máy mua của chính chủ nhưng bị mất giấy từ xe. Sau khi xem xe, hai bên thoả thuận giá bán là 16.800.000 đồng. D1 chuyển tiền mua xe từ tài khoản ngân hàng V2, số tài khoản 109876563287 chủ tài khoản Phạm Phúc D1 đến tài khoản ngân hàng số 0985755806 mở tại ngân hàng V2 chủ tài khoản Nguyễn Văn T. T đưa chìa khóa xe cùng giấy viết tay mua bán xe giữa T và H cho D1. Sau đó, T xóa bài đăng giao bán xe và tin nhắn với D1. Số tiền 16.800.000 đồng, T vẫn để trong tài khoản ngân hàng, chưa sử dụng vào việc gì. Sau khi bị trộm cắp tải sản, anh Trịnh Quang L đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Quá trình điều tra truy xét, ngày 24/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Việt H, Nguyễn Văn T.

Cơ quan Điều tra thu giữ của Trần Việt H: 01 điện thoại di động Iphone XR màu trắng, IMEI 1: 357358094000180, IMEI 2: 357358094209989, lắp 01 sim Vinaphone số 0913063710.

Cơ quan điều tra thu giữ của ông Trần Việt D (bố đẻ Trần Việt H): số tiền 14.000.000 đồng.

Cơ quan Điều tra thu giữ của Nguyễn Văn T:

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu đen, IMEl 1: 353888107630106, IMEI 2: 353888107497634, lắp 01 sim Viettel số 0985755806 (BL. 257).

- Số tiền 16.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra thu giữ của anh Phạm Phúc D1: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 18DI - 762.73, số máy JK03B7840016, số khung RLHJK0351XPZ140018.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tải sản trong Tố tụng hình sự - UBND quận T kết luận: Chiếc xe máy nhân hiệu Honda Vision màu xám đen, biển kiểm soát 18D1-762.73, số máy JK03E7840016, số khung RLHJK0351XPZ140018, đăng ký năm 2023 trị giá 28.000.000 đồng.

Tại Kết luận giảm định số 3038/KL - KTHS ngày 28/5/2025 của Phòng PC09 - C1 kết luận: xe máy nhãn hiệu Honda Vision, đeo biển kiểm soát: 18D1-762.73 có: số khung RLHJK035XPZI40018 và số máy JKO3E 7840016 là số nguyên thủy.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Việt H, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đối với Phạm Phúc D1, khi mua xe máy nhãn hiệu Honda Vision máu xám đen, biển kiểm soát 18D1-762.73 từ Nguyễn Văn T, D1 không biết đó là xe do phạm tội mà có, mục đích mua xe để sử dụng. Sau khi được biết xe máy trên do phạm tội mà có đã giao nộp chiếc xe và giấy bán xe cho cơ quan điều tra, không có yêu cầu đề nghị khác. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xữ lý đối với D1.

Đối với anh Nguyễn Ngọc T2, khi nhận số tiền trả nợ 14.000.000 đồng từ Trần Việt Hưng, anh T2 không biết đó là tiền đo H phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T2. Anh T2 không có yêu cầu, đề nghị khác. Gia đình H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền trên.

Đối với chị Trương Thị Việt P, chị Nguyễn Thị Ngọc Á, do không biết nguồn gốc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám đen, biển kiểm soát I8D1 -762.73 do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với xe máy nhân hiệu Honda Vision màu xắm đen, biển kiểm soát 18D1-762.73, quá trình điều tra xác định chủ đăng ký xe là anh Trịnh Quang L. Anh L mua xe năm 2023, xuất trình được giấy đăng ký xe bản gốc. Khoảng đầu tháng 4 năm 2025, anh L cho em trai là Trịnh Quang S mượn sử dụng. Ngày 18/4/2025, S cất xe vào hầm gửi xe trả anh L và để chìa khoá xe ở hốc dựng đồ phía trước của xe. Ngày 20/4/2025, anh L phát hiện bị trộm cấp chiếc xe trên. Cơ quan diều tra giám dịnh số khung, số máy của xe xác định số máy JK03E7840016, số khung RLHJK0351XPZ140018 là số nguyên thuỷ. Tuy nhiên, so với giấy đăng ký xe và phiếu xác minh xe thì tại vị trí số khung '035...XPZ' thiếu số 1. Do số khung, số máy của xe không có dấu hiệu đục phá, Cơ quan điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận T đã trao trả chiếc xe trên cho anh L. Anh L nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trần Việt H.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Trần Việt H, Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định là tải sản của H, T, dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy. Cơ quan điều tra chuyển 02 chiếc điện thoại trên đến Cơ quan thi hành án dẫn sự để giải quyết theo quy định.

Quá trình điều tra mở rộng, Trần Việt H còn khai nhận trộm cắp chiếc xe máy Honda Vision, biển kiểm soát 29B2-079.92 ngày 22/11/2024 tại tầng hầm M, chung cư V, N, T, Hà Nội, cụ thể như sau: Tối ngày 21/11/2024, H phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, máu đen xám, biển kiểm soát 29B2-079.92 của anh Nguyễn Quốc V (sinh năm 2002, trú tại: Lô A, phố A, Q, Thanh Hóa) để quên chìa khóa xe ở hốc để đồ phía trước bên trái. H nảy sinh ý định chiếm đoạ chiếc xe trên, dùng tay lấy trộm chìa khóa xe. Đến khoảng 7 giờ 30 phút sáng ngày 22/11/2024, H trộm cắp xe, lợi dụng việc barie tầng hầm chưa kịp đóng xuống do xe trước đi ra để tẩu thoát rồi điều khiển xe đến trước Trung tâm thương mại V1, rao bán xe với giá 11.000.000 đồng trên nhóm Facebook "Mua bán xe KGT Miền Bắc (Giao dịch trực tiếp)". Sau đó có một tài khoản Facebook liên hệ với H (không nhớ tên tài khoản) để mua xe.

Khoảng 9 giờ cũng ngày, tại trước Trung tâm thương mại V1, có 01 nam giới chở 01 nữ giới (Hưng không quen biết, không có mỗi quan hệ gì với 02 người trên) đến mua xe của H. Sau khi nhận tiền mặt, H đã giao xe và chìa khóa cho họ. Số tiền bán xe 11.000.000 đồng H đã tiêu xài hết.

Sau khi bị trộm cắp tài sản, anh Nguyễn Quốc V đã báo Ban quản lý toà nhà. Ban quản lý tòa nhà đã bồi thường cho V số tiền 25.000.000 đồng và trình báo cơ quan Công an.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2025 của Hội đồng định giá thưởng xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự - UBND quận T kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 29B2-079.92, số máy: JF86E2380157, số khung: 5837LY101444, đăng ký năm 2020 trị giá 18.000.000 đồng.

Đối với người mua xe máy Honda Vision, biển kiểm soát 29B2-079.92 của Trần Việt H: Do H không biết nhân thân lý lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ và xử lý. Hiện Cơ quan điều tra chưa thu được chiếc xe máy trên đã tách tài liệu liên quan đến chiếc xe để tiếp tục điều tra về hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tải sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với xe máy Honda Vision, biển kiểm soát 29B2-079.92, quá trình điều tra xác định chủ đăng ký xe là anh Nguyễn Xuân A (sinh năm 1976, trú tại: P, K1, tập thể T, Giảng V, Hà Nội). Tại cơ quan điều tra, anh Xuân A khai đứng tên hộ khẩu là Nguyễn Quốc V trên giấy dăng ký xe do V không có hộ khẩu Hà Nội. Anh V là người mua xe trên. Chiếc xe trên thuộc sở hữu của anh V. Sau khi bị trộm cắp tài sản, Ban quản lý tòa nhà đã bồi thường cho anh V 25.000.000 đồng. Anh V không có yêu cầu đề nghị khác. Sau khi xảy ra sự việc, gia đình Trần Việt H đã bồi thường cho B1 quản lý tòa nhà số tiền 25.000.000 đồng. Ban quản lý tòa nhà không có yêu cầu đề nghị khác về dân sự.

Tại Bản Cáo trạng số 76/CT-VKSKV2 ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội đã quyết định: Truy tố bị cáo Trần Việt H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1

Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thừa nhận việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan, lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử khoan hồng cho hưởng án treo để làm lại cuộc đời.

Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo H đề nghị HĐXX không có ý kiến gì về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo H. Bị cáo H khai báo đầy đủ, thành khẩn để hưởng khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có 01 nhân thân gia đình tốt, bố bị cáo là cựu chiến binh, mẹ là Đảng viên. Bị cáo lần đầu bị xét xử. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, ý chí học hành tốt nhưng khi về Hà Nội học tập có nhiều phức tạp, không giữ được mình nên đã vi phạm pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị hại có đơn giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo yếu về sức khỏe và hiện đang phải điều trị tại bệnh xá trại tạm giam số 2 – Công an Thành phố H. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo sớm trở về gia đình và làm lại cuộc đời.

Ông Trần Việt D và bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bị cáo đã tác động đến gia đình và gia đình đã thay mặt bị cáo H bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Việc khắc phục là hoàn toàn tự nguyện và gia đình không yêu cầu bị cáo H hoàn trả số tiền đã khắc phục. Bị cáo H sinh ra và lớn lên ở địa bàn vô cùng khó khăn nên việc nhận thức pháp luật hạn chế. Mong HĐXX mở lượng khoan hồng cho cháu được hưởng án treo để sớm trở về với gia đình làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và luận tội có quan điểm: vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Bị cáo Trần Việt H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu bị đưa ra truy tố, xét xử, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Việt H bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm hình sự:

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Trần Việt H 21 tháng tù đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 42 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/12/2025.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Thời hạn thử thách là 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/12/2025

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu đen, IMEI 1: 353888107630106, IMEI 2: 353888107497654, lắp 01 sim Viettel số 0985755806.

+ Số tiền 30.800.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động Iphone XR màu trắng, IMEI 1: 357358094000180, IMEI 2: 357358094209989, lắp 01 sim Vinaphone số 0913063710.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Ngày 30/09/2025, Hội đồng xét xử có Quyết định trả hồ sơ số 04/2025/HSST-QĐ về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ một số vấn đề liên quan đến vụ án. Sau khi điều tra bổ sung, cơ quan điều tra đã kết luận kết quả điều tra bổ sung và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội đã có Cáo trạng khẳng định vụ việc không làm thay đổi bản chất của vụ án, không làm phát sinh tình tiết mới về người phạm tội hoặc hành vi phạm tội nên không có căn cứ để hội đồng xét xử xem xét, kiến nghị.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Đánh giá về hành vi của bị cáo theo tội danh, điểm, khoản, Điều của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội đã truy tố:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Việt H và Nguyễn Văn T đều có lời khai giống với các tình tiết của vụ án đã nêu ở trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tải sản trong Tổ tụng hình sự - UBND quận T kết luận:

+ Chiếc xe máy nhân hiệu Honda Vision màu xám đen, biển kiểm soát 18D1-762.73, số máy JK03E7840016, số khung RLHJK0351XPZ140018, đăng ký năm 2023 trị giá 28.000.000 đồng.

+ Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 29B2-079.92, số máy: JF86E2380157, số khung: 5837LY101444, đăng ký năm 2020 trị giá 18.000.000 đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 22/11/2024 đến ngày 20/4/2025, Trần Việt H 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Ngày 22/11/2024, Trần Việt H có hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe máy Honda Vision, màu đen xám, biển kiểm soát 29B2-079.92, trị giá 18.000.000 đồng của anh Nguyễn Quốc V tại tầng hầm M tòa chung cư V, N, T, Hà Nội (nay là phường T, Hà Nội).

- Vụ thứ hai: Ngày 20/4/2025, Trần Việt H có hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe máy Honda Vision, màu xám đen, biển kiểm soát 18D1-762.73, trị giá 28.000.000 đồng của anh Trịnh Quang L tại tầng hầm M tòa chung cư V, N, T, Hà Nội (nay là phường T, Hà Nội).

Tổng trị giá tài sản Trần Việt H trộm cắp là 46.000.000 đồng.

Sau khi trộm cắp xe máy Honda Vision, màu xám đen, biển kiểm soát 18D1-762.73, ngày 20/4/2025, Trần Việt H bán xe trên cho Nguyễn Văn T với giá 14.000.000 đồng qua nhóm Facebook "Mua bán xe K (Giao dịch trực tiếp)" tại trước Trung tâm thương mại V1, số A đường T, thành phố Hà Nội. T nhận thức được chiếc xe máy trên do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Đến ngày 21/4/2025, T bán chiếc xe máy trện cho Phạm Phúc D1 với giá 16.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Việt H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản Cáo trạng số 76/CT-VKSKV2 ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội và lời buộc tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, luận tội tại phiên tòa là có đủ cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình thức xử lý đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Trần Việt H bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo Trần Việt H sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu bị đưa ra truy tố, xét xử, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn T sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình thức xử lý đối với các bị cáo:

+ Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Việt H là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự, trị an xã hội, gây lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần áp dụng hình phạt phù hợp để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình hội đồng xét xử căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Theo Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang thì bị cáo ở C, tỉnh Hà Giang cũ (nay là tỉnh Tuyên Quang) thuộc đối tượng ưu tiên đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo và người bào chữa trình bày bị cáo phải điều trị tại Bệnh xá của Trại tạm giam, bản thân bị cáo đã chấp hành thời hạn tạm giam được hơn 8 tháng cũng đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 65 BLHS mở đường cho bị cáo cải tạo và phòng ngừa chung.

+ Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn T là người có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn, hối cải. Trên cơ sở các quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục, cải tạo để bị cáo có điều kiện trở thành công dân có ích.

[5] Về dân sự trong vụ án:

- Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với Ban Q không có yêu cầu gia đình bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội

đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp và các vấn đề có trong vụ án:

- Đối với 02 chiếc điện thoại đã thu giữ của các bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Số tiền 16.800.000 đồng là số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn T đã thu lời bất chính do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Số tiền 14.000.000 đồng là số tiền ông Trần Việt D (bố đẻ bị cáo H) và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện nộp tại quá trình điều tra để bị cáo nộp khắc phục tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với người mua xe máy Honda Vision, biển kiểm soát 29B2-079.92 của Trần Việt H do H không biết nhân thân lý lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ và xử lý. Hiện Cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan đến chiếc xe để tiếp tục điều tra về hành vi trộm cắp tải sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

- Đối với Phạm Phúc D1, khi mua xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám đen, biển kiểm soát 18D1-762.73 từ Nguyễn Văn T, D1 không biết đó là xe do phạm tội mà có, mục đích mua xe để sử dụng. Sau khi được biết xe máy trên do phạm tội mà có đã giao nộp chiếc xe và giấy bán xe cho cơ quan điều tra, không có yêu cầu đề nghị khác. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xữ lý đối với D1 là có căn cứ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về án phí: bị cáo Trần Việt H là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn T là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Trần Việt H phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Trần Việt H 21 (hai mươi mốt) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/12/2025).

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác (có quyết định trả tự do kèm theo).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 65; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/12/2025).

Giao bị cáo Trần Việt H cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Trần Việt H cho Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trần Việt H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang và Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Ninh Bình giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Công an xã H, tỉnh Ninh Bình giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Ninh Bình và Công an xã H, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu đen, IMEI 1: 353888107630106, IMEI 2: 353888107497654, lắp 01 sim Viettel số 0985755806, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong.

+ 01 điện thoại di động Iphone XR màu trắng, số Imei1: 357358094000180, IMEI 2: 357358094209989 (kèm Sim), máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong., lắp 01 sim Vinaphone số 0913063710.

(Tình trạng các vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng số 36 ngày 05/09/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội).

+ Số tiền 30.800.000 đồng (ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi ngày 03/09/2025 tại tài khoản số 3949.0.1054168.00000 Phòng giao dịch số A – Kho bạc Nhà nước khu vực I đứng tên Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Việt H là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, ông D, bà H1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- Viện KSND thành phố Hà Nội;
- CQCSĐT - CA TP. Hà Nội;
- THADS Thành phố Hà Nội;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA TP. Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2 - CATP. Hà Nội;
- Lưu: VT, HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Nghĩa Hải